

Số: 61/TB-KLHTTQG

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2023

THÔNG BÁO

(V/v: Lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản)

Căn cứ Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14;

Căn cứ Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-BVHTTDL ngày 06/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa thể thao và Du lịch về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và nhân sự đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi phí;

Căn cứ Công văn số 3930/BVHTTDL-KHTC ngày 22/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa thể thao và Du lịch về việc Đề án sử dụng tài sản công của Khu Liên hợp thể thao quốc gia.

Căn cứ Đề án số 32/KLHTTQG-ĐA ngày 09/02/2023 của Khu Liên hợp thể thao quốc gia về việc sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê;

Chứng thư thẩm định giá số 2301005/CT-DHA ngày 06/01/2023; 2302059/CT-DHA ngày 10/02/2023 của Công ty TNHH tư vấn và thẩm định giá DHA;

Căn cứ Quyết định số 15/QĐ-KLHTTQG ngày 22/02/2023 của Khu Liên hợp thể thao quốc gia về việc thành lập Hội đồng quản lý tài sản công tại Khu Liên hợp thể thao quốc gia để sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản lý tài sản số 01/BBH-KLHTTQG ngày 24/02/2023 của Khu Liên hợp thể thao quốc gia về việc xác định giá khởi điểm của các hạng mục công trình cho thuê tại Sân vận động và Cung thể thao dưới nước;

Căn cứ Quyết định số 16/QĐ-KLHTTQG ngày 24/02/2023 của Khu Liên hợp thể thao quốc gia về việc phê duyệt giá khởi điểm đối với tài sản cho thuê của các hạng mục công trình của Sân vận động và Cung thể thao dưới nước tại Khu Liên hợp thể thao quốc gia để sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê;



Khu Liên hợp thể thao quốc gia (địa chỉ Tổ dân phố Tân Mỹ, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội) thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản như sau:

I. Đơn vị có tài sản đấu giá:

KHU LIÊN HỢP THỂ THAO QUỐC GIA

Địa chỉ: Tổ dân phố Tân Mỹ, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm,
Thành phố Hà Nội

II. Thông tin tài sản đấu giá:

1. Tài sản đấu giá là:

TT	Hạng mục tài sản cho thuê	Số lượng	Diện tích	Giá khởi điểm
			(m ²)	(đồng)
I	Các hạng mục công trình khuôn viên tại Sân vận động Quốc Gia			
1	Phòng doanh nhân khán đài B	15 phòng/năm	855	1.026.000.000
2	Dãy nhà nghỉ 12 gian	12 phòng/năm	360	864.000.000
3	Dãy nhà nghỉ 11 gian	11 phòng/năm	360	792.000.000
4	Khu Văn phòng	15 phòng/năm	432	1.296.000.000
II	Các hạng mục công trình tại Cung thể thao dưới nước			
1	Dãy nhà nghỉ 12 gian	12 phòng/năm	540	1.296.000.000
2	Phòng làm việc tầng 2	07 phòng/năm	274	328.200.000
3	Phòng Kho tầng 1,2,3	05 phòng/năm	310	334.800.000
Tổng cộng:				5.937.000.000

2. Tổng giá khởi điểm của tài sản đấu giá: 5.937.000.000 VND (Bằng chữ: Năm tỷ chín trăm ba mươi bảy triệu đồng).

Giá khởi điểm chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và các loại phí, lệ phí quản lý, sử dụng tài sản,(nếu có). Tất cả các loại phí, lệ phí và chi phí này do Người thuê được tài sản chịu trách nhiệm nộp.

III. Lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Tổ chức đấu giá tài sản phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại Khoản 4 Điều 56 Luật đấu giá tài sản 2016, các tiêu chí quy định tại Điều 3 và Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm

2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và các tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do Khu Liên hợp thể thao quốc gia quy định, cụ thể như sau:

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	23,0
1	<i>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</i>	<i>11,0</i>
1.1	<i>Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)</i>	<i>6,0</i>
1.2	<i>Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện</i>	<i>5,0</i>
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0
2.1	<i>Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá</i>	<i>4,0</i>
2.2	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá</i>	<i>4,0</i>
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0
4	<i>Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến</i>	<i>1,0</i>
5	<i>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</i>	<i>1,0</i>
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0
1	<i>Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan</i>	<i>4,0</i>
2	<i>Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i>	<i>4,0</i>
3	<i>Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đùm giã</i>	<i>4,0</i>
4	<i>Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá</i>	<i>4,0</i>
5	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá</i>	<i>3,0</i>
6	<i>Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá</i>	<i>3,0</i>
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0
1	<i>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản</i>	<i>6,0</i>

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
	<i>sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5</i>	
1.1	<i>Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)</i>	2,0
1.2	<i>Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng</i>	3,0
1.3	<i>Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng</i>	4,0
1.4	<i>Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng</i>	5,0
1.5	<i>Từ 30 hợp đồng trở lên</i>	6,0
2	<i>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5</i>	18,0
2.1	<i>Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)</i>	10,0
2.2	<i>Từ 20% đến dưới 40%</i>	12,0
2.3	<i>Từ 40% đến dưới 70%</i>	14,0
2.4	<i>Từ 70% đến dưới 100%</i>	16,0
2.5	<i>Từ 100% trở lên</i>	18,0
3	<i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3</i>	5,0
3.1	<i>Dưới 03 năm</i>	3,0
3.2	<i>Từ 03 năm đến dưới 05 năm</i>	4,0
3.3	<i>Từ 05 năm trở lên</i>	5,0
4	<i>Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3</i>	3,0
4.1	<i>01 đấu giá viên</i>	1,0
4.2	<i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>	2,0
4.3	<i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>	3,0
5	<i>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của</i>	4,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
	<i>Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3</i>	
5.1	<i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	2,0
5.2	<i>Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	3,0
5.3	<i>Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	4,0
6	<i>Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4</i>	5,0
6.1	<i>Dưới 50 triệu đồng</i>	2,0
6.2	<i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>	3,0
6.3	<i>Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng</i>	4,0
6.4	<i>Từ 200 triệu đồng trở lên</i>	5,0
7	<i>Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2</i>	3,0
7.1	<i>Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)</i>	2,0
7.2	<i>Từ 03 nhân viên trở lên</i>	3,0
8	<i>Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn</i>	1,0
IV	<i>Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3</i>	5,0
1	<i>Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính</i>	3,0
2	<i>Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	4,0
3	<i>Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	5,0
Tổng số điểm		95
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1	<i>Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<i>Đủ điều kiện</i>
2	<i>Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<i>Không đủ điều kiện</i>

Hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản do tổ chức đấu giá tài sản chuẩn bị, có dấu của tổ chức đấu giá tài sản.

Tổ chức đấu giá tài sản tự chịu trách nhiệm về đối với thông tin, giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản của mình.

Tổ chức đấu giá tài sản được đánh giá xếp hạng 1 được lựa chọn: Là tổ chức đấu giá đáp ứng tất cả các tiêu chí và có tổng số điểm cao nhất của tất cả các tiêu chí nêu trên cộng lại.

Trường hợp có từ hai tổ chức đấu giá tài sản được đánh giá có tổng số điểm cao bằng nhau thì Khu Liên hợp thể thao quốc gia xem xét, quyết định theo các tiêu chí vượt mức tối đa, tổ chức đấu giá tài sản nào có nhiều tiêu chí vượt mức tối đa sẽ được lựa chọn.

Khu Liên hợp thể thao quốc gia sẽ thông báo cho tổ chức đấu giá tài sản được xếp hạng 1 đến làm việc và ký hợp đồng.

IV. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá

- Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày thông báo đến 16h giờ 00 phút ngày 01/03/2023

- Địa điểm nộp, nhận hồ sơ: Phòng Kế hoạch Kinh doanh, Khu Liên hợp thể thao quốc gia (địa chỉ: Tổ dân phố Tân Mỹ, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội).

- Cách thức nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp.

- Số điện thoại liên hệ: 0912106852.0984605888

- Số lượng hồ sơ: 01 bản chính.

***Lưu ý:**

- Người đến nộp hồ sơ phải xuất trình bản chính Giấy giới thiệu và Chứng minh nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu.

- Khu Liên hợp thể thao quốc gia không thông báo và không hoàn trả hồ sơ đối với những tổ chức đấu giá không được lựa chọn.

Khu Liên hợp thể thao quốc gia trân trọng thông báo đến các tổ chức đấu giá tài sản được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: KHKD, VT



Nguyễn Trọng Hồ